

BÁO CÁO

Kết quả SXKD năm 2020, dự kiến KH SXKD năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Vinh.

Kính thưa Quý cổ đông!

Thay mặt Lãnh đạo Công ty, tôi xin báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2021.

PHẦN I: KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020

1. Thuận lợi và khó khăn:

1.1. Thuận lợi:

- Tư tưởng CBCNV; công tác tổ chức, lao động; hoạt động SXKD từ khi cổ phần hóa đến nay đã ổn định và phát triển;
- Nội bộ đoàn kết, nhất trí; từ cán bộ quản lý cho đến người lao động cùng có quyết tâm cao để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua;
- Luôn được sự quan tâm, hỗ trợ của Lãnh đạo và các Ban của TCT ĐSVN, của các đơn vị ĐS khu vực và của địa phương.

1.2. Khó khăn

- Năm 2020 là năm Công ty thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm công ăn việc làm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 bùng phát, kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động.
- Công tác đảm bảo an toàn chạy tàu, nhất là an toàn trên các đường ngang vẫn là một vấn đề nóng, được xã hội và các cấp quan tâm; đang được từng bước cải thiện;
- Công tác ngoài BD KCHT ĐS là nhiệm vụ chính trong đề án phát triển công ty, tuy nhiên nguồn vốn hàng năm được đặt hàng vẫn khó khăn;
- Bảo lũ thường xảy ra bất ngờ không thể lường trước sự ảnh hưởng tới KCHT TTTH đang quản lý.

Trước tình hình đó đó, HĐQT, Ban điều hành đã cùng toàn thể CNV-NLĐ nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, đạt được những kết quả quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra cho năm 2020; Kết quả thực hiện như sau:

2. Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh:

So với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra, công ty đã hoàn thành vượt mức sản lượng, doanh thu và lợi nhuận. Trong đó: Doanh thu đạt 82,4 tỷ đồng, sản lượng đạt gần 90 tỷ đồng.

- Hoạt động quản lý, bảo dưỡng thường xuyên KCHT ĐS Quốc gia (sản xuất chính): trong năm 2020 công ty tập trung hoàn thành khối lượng sửa chữa thường xuyên theo yêu cầu đặt hàng từ TCT ĐSVN, doanh thu tăng 6,9% so với kế hoạch.

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 bùng phát nên hoạt động ngoài sản xuất chính gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm việc làm. Tuy nhiên doanh thu vẫn đạt 12,218 tỷ đồng, đạt 114,18% so với kế hoạch (điều chỉnh).

- Lợi nhuận sau thuế tăng 5% so với kế hoạch.

Số liệu một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

| TT | Chỉ tiêu | Kế hoạch năm | Thực hiện | Tỷ lệ hoàn thành/ KH (%) |
|----|---|----------------|----------------|-----------------------------|
| 1 | Sản lượng chủ yếu | 89.030.700.000 | 88.967.414.646 | 99,93 |
| 2 | Doanh thu | 80.937.000.000 | 82.454.565.481 | 101,87 |
| a | Doanh thu công ích | 70.235.968.821 | 70.235.968.821 | 100,00 |
| b | Doanh thu ngoài công ích | 10.701.031.179 | 12.218.596.660 | 114,18 |
| 3 | Tổng chi phí | 77.564.906.977 | 78.913.788.859 | 101,74 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 3.372.093.023 | 3.540.776.622 | 105,00 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | 2.900.000.000 | 3.045.067.895 | 105,00 |
| 6 | Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ bình quân | 22,073 | 23,178 | 105,00 |
| 7 | Tỷ suất lợi nhuận/Vốn CSH bình quân | 22,073 | 13,178 | 105,00 |
| 8 | Tiền lương bình quân đồng/ người/tháng | 12.154.000 | 12.498.000 | 102,83 |
| 9 | Vốn điều lệ | 13.138.000.000 | 13.138.000.000 | 100,00 |

3. Tình hình quản lý sử dụng vốn, khả năng thanh toán nợ:

- Vốn được sử dụng đúng mục đích, công tác Quản lý nợ và đòi nợ được thực hiện thường xuyên, liên tục;

- Việc thực hiện các nội dung khác theo Nghị quyết ĐHĐ cổ đông: Công ty đã thực hiện đầy đủ.

4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với NSNN:

Các khoản thuế GTGT, thuế TNDN, thuế môn bài, phí sử dụng KCHTĐS Quốc gia, tiền thu từ thanh lý vật tư thu hồi,... công ty đã thực hiện nộp đầy đủ và đúng thời hạn.

5. Tình hình thực hiện các khoản thu như:

Từ cổ tức, lợi nhuận được chia: đã có kế hoạch chia cổ tức và phân phối lợi nhuận sau thuế, sẽ đưa ra để thống nhất kế hoạch chia lợi nhuận tại Đại hội đồng cổ đông lần này.

6. Những thay đổi trong kỳ báo cáo:

Về loại hình: Là năm thứ 5 Công ty chuyển đổi loại hình hoạt động từ Công ty TNHH MTV sang công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ vốn chi phối (51%).

7. Quan hệ với Tổng công ty và các đơn vị khác:

Thực hiện đầy đủ các quy định quản lý hiện hành của Tổng công ty đối với công ty cổ phần.

8. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ:

Đơn vị tính: VNĐ

| TT | Chỉ tiêu | Kế hoạch | Thực hiện | Tỷ lệ % |
|-----|----------------------------------|----------------|----------------|---------|
| 1 | Doanh thu : | 80.937.000.000 | 82.454.565.481 | 101,87 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | |
| | - Sản phẩm công ích | 70.235.968.821 | 70.235.968.821 | 100,000 |
| | - Kinh doanh khác | 10.701.031.179 | 12.218.596.660 | 114,18 |
| 2 | Tổng chi phí | 77.564.906.977 | 78.913.788.859 | 101,74 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 3.372.093.023 | 3.540.776.622 | 105,00 |
| 4 | Thuế thu nhập Doanh nghiệp | 472.093.023 | 495.708.727 | 105,00 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | 2.900.000.000 | 3.045.067.895 | 105,00 |
| 6 | Vốn chủ sở hữu | 13.138.000.000 | 13.138.000.000 | 100,00 |
| 7 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH | 22,07 | 23,18 | 105,00 |
| 8 | Phân chia lợi nhuận sau thuế | 2.900.000.000 | 3.045.067.895 | 105,00 |
| 8,1 | <i>Quỹ đầu tư phát triển</i> | 80.000.000 | 80.000.000 | 100,00 |
| 8,2 | <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i> | 705.414.000 | 850.481.895 | 121,00 |
| 8,3 | <i>Quỹ người quản lý</i> | 183.300.000 | 183.300.000 | 100,00 |
| 8,4 | <i>Chia cổ tức</i> | 1.931.286.000 | 1.931.286.000 | 100,00 |
| 9 | Tỷ lệ cổ tức (%/năm) | 14,7 | 14,7 | 100,00 |
| 10 | Tiền lương bình quân người/tháng | 12.154.000 | 12.498.000 | 102,83 |

Các chỉ tiêu cơ bản đều đạt và vượt, trong đó là doanh thu, lợi nhuận, cổ tức và thu nhập của người lao động tăng.

PHẦN II: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

Năm 2021 tiếp tục xây dựng Công ty cổ phần TTTT ĐS Vinh phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, doanh thu hàng năm tăng, đảm bảo đời sống cao cho người lao động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Đảm bảo sản xuất kinh doanh luôn mang lại hiệu quả, có lợi nhuận hàng năm tăng; trả cổ tức đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của Doanh nghiệp với lợi ích các cổ đông và người lao động.

1. Thuận lợi và khó khăn:

1.1. Thuận lợi:

- Đảng và Nhà nước đã có định hướng đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại nhằm kết nối giữa các phương thức vận tải đường bộ, đường sắt, hàng không và đường thủy trong đó có đường sắt. Tạo điều kiện thuận lợi cho kinh doanh vận tải đường sắt phát triển, tăng thị phần;

- Năng lực lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ trong Công ty ngày càng trưởng thành về chất; CBCNV-NLĐ Công ty có truyền thống đoàn kết, khắc phục khó khăn, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ; tiếp cận thị trường nhanh hơn, có quyết tâm đổi mới vươn lên;

- Tài chính của công ty lành mạnh; Nguồn BDTX tuy không tăng nhưng vẫn đảm bảo; Kinh doanh ngoài ngành có chiều hướng phát triển tốt về: Thi công các công trình, dự án, phát triển công nghệ dịch vụ.

1.2. Khó khăn:

- Do vướng mắc về cơ chế Công ty chưa ký được hợp đồng đặt hàng BDTX với Tổng công ty ĐSVN nên chưa có nguồn kinh phí phục vụ công tác duy tu, SCTX KCHT ĐS năm 2021.

- Vốn đầu tư cho KCHT năm 2021 có tăng, nhưng công tác BDTX cần nhiều kinh phí hơn, chi phí chung hạn chế;

- Tình hình khó khăn chung của toàn ngành ĐS, sự cạnh tranh gay gắt của đường bộ, hàng không; thiên tai lũ lụt; đặc biệt tại các điểm giao cắt đường ngang vẫn diễn biến phức tạp, tạo áp lực công việc trong việc quản lý và giữ vững ATCT;

- Vốn đầu tư phát triển vẫn còn thấp so với yêu cầu và chậm giao, Trong lúc đó Công ty vẫn phải tiến hành SXKD trong điều kiện cần tiết kiệm triệt để các chi phí nhằm hạ giá thành, nhưng vẫn đảm bảo chạy tàu thông suốt, an toàn; chất lượng thiết bị tốt và hoạt động ổn định;

- Chất lượng nguồn nhân lực hiện có vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, năng suất lao động còn thấp; phạm vi quản lý phân tán, trải dài; đời sống còn khó khăn;

- Tư duy của một số cán bộ, NLĐ đã có thay đổi, song chưa theo kịp với sự thay đổi của xã hội, của ngành. Trình độ quản lý, hiểu biết về Luật lệ của CNV-LĐ nhất là về lĩnh vực kinh tế còn yếu. Khả năng, phương thức tổ chức nhằm mở rộng, phát triển SXKD ngoài chưa vững chắc;

- Dịch Virus Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường làm ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng, tinh thần của người lao động và giao thông vận tải chịu thiệt hại về kinh tế nặng nề trong đó trực tiếp đến ngành ĐS nói chung, Công ty nói riêng.

2. Dự kiến KH SXKD năm 2021:

Thường xuyên nắm bắt chủ trương của Chính phủ, Bộ giao thông vận tải và Tổng công ty đường sắt Việt Nam về việc ưu tiên tái cơ cấu phát triển ngành đường sắt, nhất là hệ thống tín hiệu đang được nhà nước đầu tư hiện đại hóa.

2.1. Về sản phẩm công ích:

- Hoàn thành 100% khối lượng, kinh phí theo hợp đồng đặt hàng BDTX với Tổng công ty ĐSVN, đảm bảo tiến độ, chất lượng; đảm bảo tuyệt đối ATCT, ATLĐ, PCCN, thông tin liên lạc; không có trở ngại, chậm tàu do chủ quan gây ra;

- Tăng cường áp dụng công nghệ mới vào quản trị doanh nghiệp để giảm định biên lao động như: Phần mềm về quản lý Kế hoạch vật tư, Tài chính, Tổ chức nhân sự, tiền lương.

2.2. Ngoài công ích:

- Thay đổi và có sự khác biệt hóa trong đấu thầu và tìm kiếm nguồn công trình, kinh doanh dịch vụ theo thế mạnh hiện có của Công ty và đặc điểm của môi trường bên ngoài;

- Đột phá trong chất lượng thi công và thực hiện khối lượng, nâng cao công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công các công trình dự án; Phát triển kinh doanh dịch vụ;

- Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm việc làm;

- Tham gia thầu, thầu phụ các Dự án đầu tư KCHT ĐS...

2.3. Dự kiến một số chỉ tiêu hoạt động SXKD năm 2021:

Đơn vị tính: VNĐ

| TT | Chỉ tiêu | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | Tỷ lệ % TH/KH |
|-----|---------------------------------|----------------|----------------|---------------|
| 1 | Doanh thu : | 82.454.565.481 | 86.021.500.457 | 104,33 |
| | Trong đó: | | | |
| | - Sản phẩm công ích | 70.235.968.821 | 72.421.500.457 | 103,11 |
| | - Kinh doanh khác | 12.218.596.660 | 13.600.000 | 111,31 |
| 2 | Chi phí | 78.913.788.859 | 82.396.500.457 | 104,41 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 3.540.776.622 | 3.625.000.000 | 102,38 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 3.045.067.895 | 2.900.000.000 | 95,24 |
| 6 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH | 23,18 | 22,07 | 95,24 |
| 7 | Phân chia lợi nhuận sau thuế | 3.045.067.895 | 2.900.000.000 | 95,24 |
| 7,1 | Quỹ đầu tư phát triển | 80.000.000 | 80.000.000 | 100,00 |
| 7,2 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 850.481.895 | 797.380.000 | 93,76 |
| 7,3 | Chia cổ tức | 1.931.286.000 | 1.839.320.000 | 95,24 |
| 7,4 | Quỹ thưởng người quản lý | 183.300.000 | 183.300.000 | 100,00 |
| 8 | Tỷ lệ cổ tức (%/năm) | 14,7 | 14 | 95,24 |
| 9 | Tiền lương bình quân/tháng | 12.498.000 | 12.523.000 | 100,2 |

2.4. Dự kiến kế hoạch đầu tư (sử dụng nguồn SXKD của công ty khấu hao TSCĐ):

Ban điều hành xem xét thực tế báo cáo Hội đồng Quản trị để thực hiện đầu tư theo qui định.

2.5. Kế hoạch lao động tiền lương

a. Kế hoạch lao động:

- Xây dựng tiêu chuẩn người quản lý, chuyên viên có chuyên môn nghiệp vụ gắn liền với các chức danh để tuyển dụng và bố trí cán bộ;
- Đưa ra các chính sách tuyển dụng lao động mở, đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao; cán bộ nhân viên kinh doanh bán hàng giỏi...

b. Kế hoạch tiền lương:

- Tổng quỹ tiền lương kế hoạch Người lao động : 44.179,7 Triệu đồng
 - Tổng quỹ tiền lương kế hoạch NQL chuyên trách: 1.728 Triệu đồng
 - Quỹ thù lao kế hoạch của NQL không chuyên trách: 48 Triệu đồng
- Trên đây là báo cáo kết quả SXKD năm 2020, dự kiến KH SXKD năm 2021.
Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BGD;
- BKS, CĐ CT;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. BAN GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC



Trần Hải Anh